

Số: 10 /2024/NQ-HĐND

Yên Bái, ngày 19 tháng 4 năm 2024

## NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức thu học phí hàng năm đối với các cơ sở giáo dục công lập  
thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2023-2024  
trên địa bàn tỉnh Yên Bái**

### HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI KHOÁ XIX - KỲ HỌP THỨ 15

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 21 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm  
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm  
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính  
phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản  
quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020  
của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP  
ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện  
pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính  
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 127/2018/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2018 của Chính  
phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục;*

*Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính  
phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống  
giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá  
dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31  
tháng 12 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định  
số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế  
thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và  
chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực  
giáo dục, đào tạo;*

*Xét Tờ trình số 28/TTr-UBND ngày 09 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị quy định mức thu học phí hàng năm đối với các cơ sở giáo dục công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2023-2024 trên địa bàn tỉnh Yên Bái; Báo cáo thẩm tra số 59/BC-BVHXH ngày 15 tháng 4 năm 2024 của Ban Văn hóa - Xã hội; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

#### **1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2023-2024 trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

#### **2. Đối tượng áp dụng**

Nghị quyết này áp dụng đối với trẻ em mầm non, học sinh, học viên đang học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và các tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

### **Điều 2. Nguyên tắc thực hiện**

1. Đối với cơ sở giáo dục thường xuyên, cơ sở đào tạo khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông được áp dụng mức học phí tương đương với mức học phí của cơ sở giáo dục phổ thông công lập cùng cấp học trên địa bàn.

2. Mức học phí quy định tại Nghị quyết này dùng làm căn cứ để hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh tiểu học tư thục ở các địa bàn chưa đủ trường tiểu học công lập và các đối tượng học sinh tiểu học tư thục thuộc đối tượng được hưởng chính sách miễn giảm học phí theo quy định.

3. Quy định thời gian thu học phí trong trường hợp xảy ra thiên tai, dịch bệnh, các sự kiện bất khả kháng do cơ quan có thẩm quyền công bố:

a) Đối với các tháng có thời gian dạy học thực tế (bao gồm cả thời gian tổ chức dạy học trực tiếp, trực tuyến hoặc bố trí thời gian học bù tại trường) việc xác định thời gian thu học phí được tính như sau: Trường hợp thời gian dạy học thực tế trong tháng dưới 15 ngày (bao gồm cả số ngày nghỉ theo quy định của pháp luật) thì không thu học phí; trường hợp thời gian dạy học thực tế trong tháng từ 15 ngày trở lên nhưng không đủ cả tháng (bao gồm cả số ngày nghỉ theo quy định của pháp luật) thì thực hiện thu bằng 50% mức thu của 01 tháng.

b) Đảm bảo nguyên tắc tổng số tháng thu học phí không vượt quá 09 tháng/năm học.

4. Chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; cơ chế quản lý, sử dụng học phí và các nội dung khác về học phí không quy định tại Nghị quyết này

được thực hiện theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo và các văn bản quy định hiện hành.

5. Các xã, thị trấn thuộc khu vực I, II, III được xác định theo quy định của cấp có thẩm quyền. Trường hợp trong năm học, các xã, phường, thị trấn có sự thay đổi về phân vùng, khu vực hoặc địa giới hành chính thì tiếp tục áp dụng mức thu học phí đang thực hiện cho đến hết năm học.

### **Điều 3. Quy định mức thu, thời gian thu học phí cụ thể như sau**

1. Mức thu học phí trong trường hợp tổ chức dạy và học theo hình thức trực tiếp

*Đơn vị tính: Đồng/tháng/học sinh*

<b>Cấp học</b>	<b>Mức thu học phí theo vùng</b> Dựa trên nơi cư trú bản thân và bố mẹ hoặc người giám hộ (thời gian thu: Không quá 09 tháng/năm học)		
	Các phường thuộc thành phố Yên Bái và phường Trung Tâm thuộc thị xã Nghĩa Lộ	Các phường còn lại thuộc thị xã Nghĩa Lộ; các xã, thị trấn thuộc khu vực I vùng dân tộc thiểu số và miền núi; các xã, thị trấn còn lại (không thuộc vùng DTTS và miền núi)	Các xã, thị trấn thuộc khu vực II, III vùng dân tộc thiểu số và miền núi
Mầm non			
- Nhà trẻ	180.000	75.000	35.000
- Mẫu giáo	150.000	60.000	30.000
Tiểu học	80.000	65.000	30.000
Trung học cơ sở	80.000	65.000	30.000
Trung học phổ thông	100.000	70.000	45.000

2. Mức thu học phí trong trường hợp tổ chức dạy và học theo hình thức trực tuyến (Online) bằng 75% mức thu học phí học trực tiếp quy định tại khoản 1 Điều này. Mức thu học phí được làm tròn đến đơn vị nghìn đồng.

#### **Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 39/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái.

2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái khóa XIX - Kỳ họp thứ 15 thông qua ngày 19 tháng 4 năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

**Nơi nhận:** *tt*

- Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;
- Chính phủ;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra Văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm điều hành thông minh;
- Lưu: VT, VHXH.

**CHỦ TỊCH**



**Tạ Văn Long**